

*
Số 7233 -QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách chi thường xuyên năm 2024 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 907/TB-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ Tài chính Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm quyết toán nguồn vốn viện trợ CK; nguồn vốn nước ngoài; nguồn vốn chi đầu tư phát triển) của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính (Vụ I),
- Các đơn vị dự toán cấp III,
- Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số,
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.



Nguyễn Xuân Thắng

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số 7233 -QĐ/HVCTQG ngày 11/11/2025
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	883.447.390.076	883.447.390.076	-
1	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 081)	91.534.998.238	91.534.998.238	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	81.580.998.238	81.580.998.238	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.954.000.000	9.954.000.000	
2	Chi đào tạo đại học (Loại 070 - 083)	604.851.471.288	604.851.471.288	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	434.915.242.716	434.915.242.716	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	169.936.228.572	169.936.228.572	
3	Chi đào tạo lại cán bộ (Loại 070-085)	26.600.000	26.600.000	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	26.600.000	26.600.000	
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (loại 100-102)	181.761.416.300	181.761.416.300	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	181.761.416.300	181.761.416.300	
5	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	2.736.878.300	2.736.878.300	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.736.878.300	2.736.878.300	
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	2.039.094.950	2.039.094.950	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.039.094.950	2.039.094.950	
7	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối ngoại (Loại 160-171)	496.931.000	496.931.000	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	496.931.000	496.931.000	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số 7233 -QĐ/HVCTQG ngày 11/11/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc											
		Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Nhà Xuất bản Lý luận Chính trị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Đề án 979	Đề án Nhân quyền	Đề án 587	Văn phòng Chương trình KX01.02
	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	335.103.980.219	105.280.841.960	78.273.294.842	70.770.979.414	36.424.063.158	94.683.498.238	4.157.807.800	1.933.800.000	20.660.919.651	2.689.173.340	13.628.032.109	119.840.999.345
1	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 -081)	-	-	-	-	-	91.534.998.238	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						81.580.998.238						
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						9.954.000.000						
2	Chi đào tạo đại học (Loại 070 - 083)	281.512.429.015	103.299.532.959	74.600.694.842	67.740.039.414	35.125.973.158	-	3.660.876.800	1.933.800.000	20.660.919.651	2.689.173.340	13.628.032.109	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	202.867.832.830	78.042.000.000	63.098.000.000	57.253.000.000	29.392.473.886		3.165.936.000	1.096.000.000				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	78.644.596.185	25.257.532.959	11.502.694.842	10.487.039.414	5.733.499.272		494.940.800	837.800.000	20.660.919.651	2.689.173.340	13.628.032.109	
3	Chi đào tạo lại cán bộ (Loại 070-085)	26.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ												
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	26.600.000											
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (loại 100-102)	49.621.077.954	1.981.309.001	3.173.000.000	3.030.940.000	1.298.090.000	2.816.000.000	-	-	-	-	-	119.840.999.345
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ												
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	49.621.077.954	1.981.309.001	3.173.000.000	3.030.940.000	1.298.090.000	2.816.000.000						119.840.999.345
5	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	1.904.778.300	-	499.600.000	-	-	332.500.000	-	-	-	-	-	-

Stt	Nội dung	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc											
		Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Nhà Xuất bản Lý luận Chính trị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Đề án 979	Đề án Nhân quyền	Đề án 587	Văn phòng Chương trình KX01.02
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ												
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.904.778.300	-	499.600.000			332.500.000						
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	2.039.094.950	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ												
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.039.094.950											
7	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối ngoại (Loại 160-171)	-	-	-	-	-	-	496.931.000	-	-			-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ												
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ							496.931.000					

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ